

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2018.

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, thực hiện nghĩa vụ chung
về tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhung và Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Tăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Giàng Thị D; sinh năm: 1989.

- Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Vàng A P; sinh năm: 1989.

- Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Bá K; sinh năm 1947; địa chỉ: Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

* **Người phiên dịch cho chị Giàng Thị D:** Anh Giàng A V; sinh năm: 1977; địa chỉ: Bản M, xã Phình S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án, phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Vàng A P chung sống với nhau từ năm 2004, nhưng đi đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/9/2012. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Hai anh chị sống hạnh phúc được hơn 07 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá

trình chung sống anh Phình không làm chủ được bản thân đã mắc phải tệ nạn nghiện ma túy. Bản thân chị D đã nhờ hai bên gia đình nội, ngoại khuyên can để anh P sửa chữa; bản thân anh P đã có cam đoan thay đổi, nhưng anh P không thay đổi. Do không thể chịu đựng được nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, được một thời gian thì anh P có lên xin phép bố mẹ chị D đón về đoàn tụ. Để anh P có cơ hội thay đổi bản thân lần nữa, chị đã cùng anh P đi làm thuê nhưng làm được vài ngày thì anh P bỏ về nhà. Vì không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị D thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, thiếu sự quan tâm chia sẻ. Đến nay chị D không còn tình cảm với anh P. Vì vậy chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Vàng A P.

Về con chung: Hai anh chị có 02 người con chung là: Vàng A H; sinh ngày 10/02/2007 và cháu Vàng Thị S; sinh ngày 19/5/2009. Khi ly hôn chị D nhận nuôi cháu Vàng Thị S; giao cho anh Vàng A P trực tiếp nuôi cháu Vàng A H. Vì mỗi bên đều đã nuôi con chung nên chị D không đề nghị anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai anh chị có 01 ngôi nhà nhỏ, hiện tại bỏ hoang. Đối với ngôi nhà chị D để lại cho anh P sử dụng. Vì không có tranh chấp; nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khi khởi kiện, chị D có trình bày về khoản nợ ông Nguyễn Bá K số tiền nợ gốc là 8.000.000đ; chị yêu cầu chia đôi trách nhiệm trả nợ chung. Tuy nhiên đến ngày 07/9/2018 ông Nguyễn Bá K đã xóa khoản nợ này cho anh chị, không có tranh chấp nên chị rút yêu cầu giải quyết về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Vàng A P và chị Giàng Thị D chung sống với nhau từ năm 2004, nhưng đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/9/2012. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kể từ khi kết hôn sống hạnh phúc được 08 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Do anh P đi theo bạn bè có sử dụng ma túy, nên vợ anh là chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D để ở. Anh P có đến xin bố mẹ vợ và đón vợ về nhưng sau đó chị D lại bỏ đi lần hai thì hai bên gia đình có làm biên bản cho hai anh chị cùng nhau ở bên nhà bố mẹ vợ để anh P cai nghiện ma túy. Nhưng anh P chỉ ở được 3 ngày thì bố mẹ vợ đuổi anh P đi, nên anh P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của anh P ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh P có liên hệ được với chị D, nhưng nói chuyện với nhau chỉ cãi nhau, không hòa thuận. Đến nay anh P cho rằng kể cả anh P và chị D không chung sống với nhau nữa, nhưng anh P cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai anh chị có 02 người con chung là: Vàng A H; sinh ngày 10/02/2007 và cháu Vàng Thị S; sinh ngày 19/5/2009. Hiện tại hai con chung đều

đang ở với anh P, nếu phải ly hôn anh P nhận nuôi cháu Vàng Thị S và cháu Vàng A H. Anh P đề nghị chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 15kg gạo/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 ngôi nhà nhỏ, hiện tại bỏ hoang không có ai ở. Vì không có tranh chấp; nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khi khởi kiện, chị D có trình bày về khoản nợ ông Nguyễn Bá K số tiền nợ gốc là 8.000.000đ. Tuy nhiên đến ngày 07/9/2018 ông Nguyễn Bá K đã xóa khoản nợ này cho anh chị, không có tranh chấp nên anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý: Về thủ tục tố tụng: Không có kiến nghị về vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm. Về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản” giữa nguyên đơn chị Giàng Thị D và anh Vàng A P. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa hai anh chị không còn tình cảm, anh P đã được chị D tạo cơ hội để thay đổi nhiều lần nhưng không có kết quả. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị D đã sống ly thân với anh P. Qua đó thấy giữa hai anh chị thiếu đi sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm của chị D đối với anh P không còn. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Vàng A P. Về con chung: Đề nghị giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng, giao cháu S cho chị D nuôi dưỡng, vì mỗi người nuôi một người con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Do chị D xin rút một phần yêu cầu, anh P cũng nhất trí nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết về nợ chung giữa chị D và anh P. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Giàng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện thì xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản giữa chị D và anh P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Giàng Thị D nộp đơn khởi kiện ly hôn, anh Vàng A P có nơi cư trú tại bản P, xã P, huyện, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận

được đầy đủ các thông báo thụ lý và tiến hành hòa giải. Đương sự đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử các đương sự đều có mặt.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Vàng A P kết hôn với nhau ngày 11/9/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Giàng Thị D và anh Vàng A P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không làm chủ được bản thân đã mắc phải tệ nạn nghiện ma túy, chị D đã nhiều lần khuyên can và tạo điều kiện cho anh P thay đổi để gia đình đoàn tụ; nhưng anh P không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống, nên chị D cũng không quay về đoàn tụ với anh P. Kể từ khi không còn chung sống, chị D cũng không còn quan tâm; hỏi thăm anh P vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh P. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành, Tòa án cũng đã động viên chị D quay về đoàn tụ nhưng chị D cương quyết xin ly hôn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị D.

[2.2] Về con chung: Xét về nguyện vọng nuôi con chung của chị Giàng Thị D, anh Vàng A P, nguyện vọng được chung sống với bố mẹ của cháu H và cháu S thấy: Nếu giao cả hai con chung cho chị D hoặc anh P nuôi dưỡng thì sẽ gây những khó khăn nhất định; bởi quá trình làm rõ thu nhập của anh chị chỉ phụ thuộc vào thu nhập nông nghiệp ít ỏi cùng gia đình và việc làm thêm bấp bênh. Hơn nữa, xét về nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với con thấy rằng; cần giao cho mỗi người nuôi một người con chung sẽ đảm bảo hơn cho các cháu về sinh hoạt cũng như học tập. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Vàng A Huyện cho anh Vàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vàng Thị S cho chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì mỗi người nuôi một người con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Nghĩa vụ chung về tài sản: Vì ông Nguyễn Bá K đã xóa nợ nên chị Giàng Thị D đề nghị rút yêu cầu về việc phân chia việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, anh P, ông K cũng chấp nhận. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Giàng Thị D đủ điều kiện được miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Giàng Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Vàng A P.

3. Về con chung: Giao cho chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vàng Thị S; sinh ngày 19/5/2009 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động. Giao cho anh Vàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vàng A H; sinh ngày 10/02/2007 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động. Chị Giàng Thị D và anh Vàng A P đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, nên mỗi người nuôi một người con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Giàng Thị D, anh Vàng A P có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị D, anh P thực hiện quyền này.

4. Nghĩa vụ chung về tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản giữa chị Giàng Thị D, anh Vàng A P, ông Nguyễn Bá K. Các đương sự có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị D được miễn án phí ly hôn.

5. Chị Giàng Thị D, anh Vàng A P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2018); ông Nguyễn Bá K có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Phình Sáng;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Mường Thín;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga